



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 04/02/2026 (Wednesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
2.5	21:03	00:30	↗
3.9	02:13	05:45	↘
0.5	09:20	13:15	↗
3.8	16:16	19:45	↘
2.2	21:40	01:30	↗
3.8	03:01	06:30	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	K.Toàn	KMTC XIAMEN	10.7	197	27,997	P/s3 - CL4	00:00	Cano DL	A1-A2
2	M.Tùng	CEBU	9.5	172	18,491	P/s3 - BP6	01:00	Tăng cường dây	A1-A3
3	Khái	SAWASDEE MIMOSA	10	172	18,072	P/s3 - CL7	01:30	//0500	A2-A6
4	V.Hải	MILD CHORUS	7.6	148	9,994	P/s1 - TCHP	01:30	tt xấu	01-12
5	P.Hung	ERASMUS LEO	9.5	172	20,920	P/s3 - BP5	01:30	//0500	A5-TM
6	Đ.Chiến	SITC HAIPHONG	8.9	162	13,267	P/s3 - CL4-5	09:30	//1200	A6-08
7	P.Cần	KANWAY LUCKY	9.2	172	18,526	P/s3 - CL3	15:00	//1800	A5-TM
8	Th.Hùng	STARSHIP JUPITER	11	197	27,997	P/s3 - CL4	15:30	//1900	A1-A6
9	Tín	HAI TIAN LONG	4.3	98	3,609	P/s1 - CL7	20:00	//1900	A2-08
10	P.Tuấn	JIN JI YUAN	9.7	190	25,700	P/s3 - CL4-5	20:00	Cano DL	A5-A6
11	M.Hải	SITC SHANGDE	8.5	172	18,724	P/s1 - CL5	21:30	//0100, ttx	
12	Đ.Minh	ADIRA 55	6.7	98	2,998	H25 - CanGio	15:00	ĐX	

No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Giang	VIMC PIONEER	7.7	121	6,875	P/s1 - CM4	06:40	tt xấu	A9-A10
2	M.Cường	BIEN DONG NAVIGATOR	7.5	150	9,503	CM4 - CMIT	10:30	+XNHT	A9-A10
3	Quân	WAN HAI 370	12.5	207	30,676	CM2 - P/s3	15:30	MP	MR-KS
4	Đào	HAIAN DELL	7.8	172	17,280	P/s1 - CM2	21:30	MT, ttx	MR-KS
5	Hoàn	VIMC PIONEER	7	121	6,875	CM4 - K12B	14:30	+kv1	A9-A10
6	Đức - P.Hải	COSCO SPAIN	9.5	366	154,592	P/s3 - CM4	16:30	Y/c MP-VTX	A9-A10-H2
7	Quân - Th.Hùng	ONE MUNCHEN	13.9	366	151,672	CM3 - P/s3	01:00	MT-3NM-DL	MR-KS-AWA
8	Đức - M.Hải	CSCL EAST CHINA SEA	12	335	116,568	CM4 - P/s3	02:00	MP-VTX	A9-A10-H2

9	P.Hải - P.Tuấn	HMM SAPPHIRE	10.5	336	126,943	P/s3 - CM3	01:00	Y/c MP	MR-KS-AWA
10	Đ.Minh	BIEN DONG NAVIGATOR	7.9	150	9,503	P/s3 - CM4	01:30		A9-A10
11	Phú	WAN HAI 370	11	207	30,676	P/s3 - CM2	02:00	ĐX, MP	
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Hoàng	HMM HARVEST	9.2	172	17,277	BNPH - P/s3	01:00		A3-TM
2	Quyết	POS HOCHIMINH	8.8	173	18,085	CL7 - H25	05:00	SR	A2-A6
3	Trung	SAMAL	8.8	172	18,680	CL1 - P/s3	06:00		A5-08
4	N.Dũng - N.Trường	EVER ONWARD	9.9	195	27,025	CL4-5 - P/s3	12:00		A3-A5
5	H.Trường	XIN MING ZHOU 106	6.9	172	18,731	CL3 - P/s2	18:00	ttx	A1-08
6	Hà	KMTC XIAMEN	10.4	197	27,997	CL4 - P/s3	19:00	Cano DL	A1-A2
7	N.Chiến	SAWASDEE MIMOSA	10	172	18,072	CL7 - P/s3	20:00		A2-A6
8	A.Tuấn	SITC HAIPHONG	9.3	162	13,267	CL4-5 - P/s2	21:30	ttx	A6-08
9	N.Hiến	THÁI HUNG 126	3.3	92	2,984	CanGio - H25	06:00	ĐX	
10	Duyệt - Chương	YM CREDENTIAL	10.1	210	32,720	BP7 - P/s3	13:30	ĐX	
11	Q.Hung - Chính	TPC-TK-04; TPC-SL-14	2.6	190	6,257	CanGio - H25	17:00	ĐX	
12	P.Thùy - Anh	TPC206-TK01;TPC206-SL01	2.6	190	6,257	CanGio - H25	19:00	ĐX	
13	Nhật - Diệu	TPC-TK08 + TPC-SL-18	2.6	190	6,257	CanGio - H25	18:00	ĐX	
14	B.Long - M.Hùng	TPC-TK-05; TPC-SL-15	2.6	190	6,257	CanGio - H25	18:00	ĐX	
15	Quyền	TRUONG AN 03	3.2	111	3,640	CanGio - H25	19:00	ĐX	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	T.Tùng - Uy	YM CREDENTIAL	10.1	210	32,720	CL5 - BP7	11:30		A2-A6
2	Tân	ASL TAIPEI	9.4	172	18,724	BNPH - CL5	11:30		A5-08
3	Vinh	CEBU	9.5	172	18,491	BP6 - BNPH	13:00		A1-A3
4	N.Tuấn - H.Thanh	ERASMUS LEO	9.5	172	20,920	BP5 - CL1	12:30	ĐX	